TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH THUẬN** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **18/**2025/DS-ST
Ngày: 26/02/2025
Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Hoàng Khương

2. Ông Hà Văn Chủ

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Huyền - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tri Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2025, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang tiến hành mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 182/2024/TLST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2024 về việc *"Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2025/QĐXXST-DS ngày 10/01/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2025/QĐ-TA ngày 07/02/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Hộ kinh doanh T1. Người đại diện bà Bùi Thúy D, sinh năm 1996; địa chỉ: ấp B, xã B, huyện V, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

- *Bị đơn*: Ông Ngô Văn T và bà Nguyễn Thị H; cùng địa chỉ: ấp H, xã V, huyện V, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/9/2024; các lời khai tại Tòa án và trong quá trình xét xử đại diện nguyên đơn do bà D trình bày:

Vợ chồng ông T, bà H có mua thức ăn nuôi tôm, thuốc thuỷ sản của H1 kinh doanh Tân Quang M sử dụng. Vợ chồng ông T, bà H còn nợ số tiền nợ gốc tính đến ngày 17/11/2021 là 79.010.000 đồng, tiền lãi chậm trả 10% /năm (tương đương 0,83% /tháng) tính từ ngày 18/11/2021 đến ngày 18/9/2024 (34 tháng) là

22.296.000 đồng. Tổng cộng yêu cầu ông T, bà H phải thanh toán số tiền là 101.306.000 đồng và tiền lãi phát sinh được tính từ ngày 19/9/2024. Tại phiên toà, yêu cầu bị đơn ông T, bà H trả số tiền mua vật tư còn thiếu nợ gốc là 79.010.000 đồng, tiền lãi chậm trả số tiền là 22.296.000 đồng, tổng cộng là 101.306.000 đồng, ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Bị đơn vợ chồng ông Ngô Văn T, bà Nguyễn Thị H vắng mặt nên không có ý kiến trình bày tại phiên toà.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn vợ chồng ông T, bà H trả số tiền mua vật tư nợ gốc còn thiếu là 79.010.000 đồng và phần tiền lãi chậm trả yêu cầu số tiền 22.296.000 đồng là phù hợp nên đề nghị chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng nhưng ông T, bà H không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cũng như triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Xét thấy, sự vắng mặt của ông T, bà H không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông T, bà H.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là *"Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"*. Cụ thể Hộ kinh doanh Tân Quang M yêu cầu bị đơn vợ chồng ông T, bà H trả số tiền mua vật tư còn thiếu là 79.010.000 đồng, tiền lãi chậm trả là 22.296.000 đồng.

[3] Về thẩm quyền: Đây là vụ án *"Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"* theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Đại diện của nguyên đơn do bà D yêu cầu bị đơn vợ chồng ông T, bà H phải thanh toán số tiền mua bán còn thiếu nợ gốc là 79.010.000 đồng và tiền lãi chậm trả số tiền là 22.296.000 đồng, tổng cộng là 101.306.000 đồng.

Sau khi thụ lý, Toà án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn ông ông T, bà H nhưng bị đơn không có ý kiến và tại phiên toà bị đơn vắng mặt không có lời trình bày nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét ý kiến của bị đơn mà căn cứ vào các tài liệu chứng cứ của nguyên đơn cung cấp để xem xét.

Xét thấy tại quyển sổ tay mua bán giữa các bên thể hiện ông T có mua vật tư của H1 kinh doanh Tân Quang M, khi mua hàng hóa có sự xác nhận của bị đơn ông Ngô Văn T ký tên, căn cứ vào bảng đối chiếu công nợ chi tiết khách hàng ngày 17/11/2021 có chữ ký xác nhận của ông T xác nhận số nợ còn thiếu của H1 kinh doanh Tân Quang M số tiền là 79.010.000 đồng. Như vậy, dựa vào các chứng cứ nêu trên bị đơn vợ chồng ông T, bà H còn nợ H1 kinh doanh Tân Quang M số tiền mua vật tư sau khi đã thanh toán một phần còn nợ tính đến ngày 17/11/2021 là 79.010.000 đồng đến nay chưa.

Bị đơn ông T, bà H mua vật tư thuỷ sản nhưng không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền. Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng Điều 430 (*quy định về hợp đồng mua bán tài sản*); Điều 440 (*quy định về nghĩa vụ trả tiền*) của bộ luật dân sự 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn vợ chồng ông T, bà H có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc còn thiếu là 79.010.000 đồng đồng, tiền lãi chậm trả tính từ ngày 18/11/2021 đến ngày xét xử chỉ yêu cầu là 22.296.000 đồng. Xét thấy, lãi suất chậm trả nguyên đơn yêu cầu nêu trên là phù hợp với quy định của pháp luật theo Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015 nghĩ nên chấp nhận. Buộc ông T, bà H có trách nhiệm phải thanh toán số tiền là 101.306.000 đồng (trong đó nợ gốc là 79.010.000 đồng, tiền lãi là 22.296.000 đồng).

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận như nêu ở phần nhận định trên.

[5] Án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6, Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị đơn ông T, bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu nguyên đơn được Tòa án chấp nhận là 101.306.000 đồng x 5% = 5.065.300 đồng (làm tròn 5.065.000 đồng).

Hoàn trả cho nguyên đơn Hộ kinh doanh T1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, Điều 26, Điều 35, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; áp dụng Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 6, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiên của nguyên đơn H1 kinh doanh Tân Quang M về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản với bị đơn ông Ngô Văn T và bà Nguyễn Thị H.

Buộc bị đơn ông Ngô Văn T, bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Hộ kinh doanh Tân Quang M tổng số tiền còn thiếu là 105.511.000 đồng (trong đó nợ gốc là 79.010.000 đồng, tiền lãi là 22.296.000 đồng).

Kể từ ngày Hộ kinh doanh Tân Quang M có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn ông Ngô Văn T, bà Nguyễn Thị H không trả số tiền trên thì còn phải trả khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của bộ luật dân sự.

2. Án phí sơ thẩm: Bị đơn ông Ngô Văn T, bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.065.000 đồng.

Hoàn trả cho nguyên đơn Hộ kinh doanh Tân Quang M (do bà Bùi Thúy D nộp) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.532.650 đồng theo biên lai thu số 0002379 ngày 15/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự ông T, bà H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND xã Vĩnh Bình Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Phượng